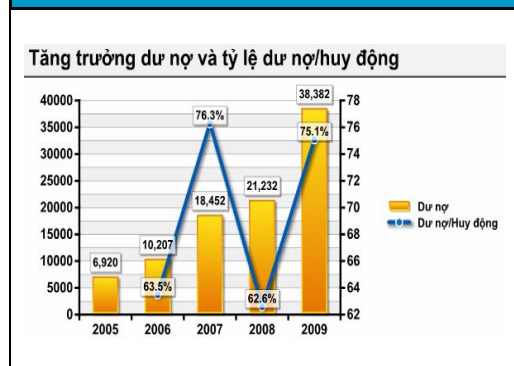


Ngày 29/01/2010	
Giá đóng cửa	23,000
P/E	14
Giá mục tiêu	25,000

Thông tin cơ bản	
Vốn chủ sở hữu (tỷ VND)	13,950
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	20,240
Tỷ lệ khối ngoại (%)	29.8
Tỷ lệ quốc hữu (%)	0

Xếp loại gần nhất		
Ngày xuất bản	Đóng cửa hôm qua	Xếp loại

Cơ cấu doanh thu



So sánh cổ phiếu với thị trường



Tên công ty NH TMCP XNK VIỆT NAM
(EIB)
Khuyến nghị QUAN SÁT

Khuyến nghị đầu tư

Là ngân hàng có nguồn thặng dư lớn, có vốn chủ sở hữu lớn thứ 3 trong khối các NHTMCP ở Việt Nam nhưng lợi nhuận năm 2009 của EIB thực tế chưa đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông. EIB cần thêm một thời gian nữa để có thể hấp thụ toàn bộ nguồn vốn lớn một cách hiệu quả. Tuy nhiên hoạt động của EIB trong những năm gần đây đã tiến triển rất nhiều. ROA tăng từ 1.74% năm 2008 lên 2% năm 2009 và ROE tăng từ 7.4% lên 8.5%. Ước tính EPS năm 2010 của EIB sẽ đạt 1,700 đồng. Với mức giá đóng cửa ngày 29/01/2010 là 23,000 đồng, EIB đang giao dịch với mức P/E 13.5. Mức giá này đã phản ánh toàn bộ giá trị của EIB nên dự báo sẽ không có sự đột phá về giá trong giai đoạn ngắn.

Những điểm chú ý

- ❖ Là ngân hàng TMCP đầu tiên của Việt Nam, hiện đang hoạt động vốn số vốn điều lệ 8,800 tỷ đồng.
- ❖ Định hướng phát triển của Eximbank là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng.
- ❖ Sở hữu 2 công ty liên kết là công ty chứng khoán Rồng Việt với tỷ lệ sở hữu 18.09% và công ty CP bất động sản Eximland với tỷ lệ sở hữu 11%.
- ❖ EIB có 4 cổ đông chiến lược là ngân hàng VCB (8.8%), ngân hàng Sumitomo Mitsui (15%), quỹ VOF (5%) và công ty địa ốc ACB (5.6%).
- ❖ Thế mạnh là tài trợ XNK, kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế.
- ❖ Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề nên hạn chế được nhiều rủi ro tín dụng.
- ❖ Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại với mạng Core-banking, công nghệ thanh toán nội hàng tiền tiến.

Chỉ tiêu	Q1-09	Q2-09	Q3-09	Q4-09(E)	2009F	2010F
Thu nhập từ lãi (tỷ đồng)	955,175	991,319	1,098,792	1,299,071	4,344,177	4,865,478
Tăng trưởng (%)	32.7%	20.2%	-13.2%	2.8%	3.5%	12.0%
Tỷ lệ LN từ lãi/Thu nhập từ lãi (%)	47.2%	46.8%	43.0%	45.2%	45.5%	46.3%
Tỷ lệ LNST/Thu nhập từ lãi (%)	40.0%	33.7%	24.2%	12%	26%	31%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	381,611	334,203	266,300	162,488	1,144,421	1,508,298
Tăng trưởng (%)	44.1%	28.0%	17.9%		61%	32%
EPS (Đồng)	529	463	369	185	1,300	1,714

GIỚI THIỆU CÔNG TY



Tên công ty : Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
Tên viết tắt : Eximbank
Mã giao dịch : EIB **Sàn giao dịch**: Hose
Địa chỉ : Số 07 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TPHCM, Việt Nam.
Điện thoại : 84-(0)8-38.21.00.55
Website : www.eximbank.com.vn

Là ngân hàng TMCP đầu tiên của Việt Nam, hiện đang hoạt động vốn số vốn điều lệ 8,800 tỷ đồng.

Giai đoạn khủng hoảng kinh tế, EIB gặp nhiều khó khăn và bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt của NHNN.

Định hướng phát triển của Eximbank là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng.

Sở hữu 2 công ty liên kết là công ty chứng khoán Rồng Việt và công ty CP bất động sản Eximland.

Công ty chứng khoán Rồng Việt hiện chiếm khoảng 2.1% thị phần môi giới tại Hose và 0.8% thị phần môi giới tại HaSTC.

Công ty BĐS Eximland tập trung phát triển mạng lưới cho EIB và ưu tiên đầu tư chung cư cao cấp, trung tâm thương mại, khách sạn 4-5 sao và cao ốc văn phòng.

EIB có 4 cổ đông chiến lược là ngân hàng VCB (8.8%), ngân hàng Sumitomo Mitsui (15%), quỹ VOF (5%) và công ty địa ốc ACB (5.6%)

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là NHTMCP đầu tiên của Việt Nam, được thành lập vào ngày 24/05/1989 với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Sau 19 năm hoạt động và phát triển, số vốn điều lệ của Eximbank đã lên đến 8,800 tỷ và trở thành 1 trong những ngân hàng thương mại có quy mô vốn lớn nhất Việt Nam.

Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế 1997-2000, Eximbank gặp rất nhiều khó khăn, luôn là ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu khá cao nên gặp nhiều rủi ro tín dụng và bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt của NHNN nhưng sau đó, EIB đã thực hiện chính sách tín dụng khá thận trọng, nhờ đó mà tỷ lệ nợ xấu dần dần được cải thiện và bắt đầu gặt hái được nhiều thành tích trong những năm gần đây.

Định hướng phát triển của Eximbank là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng bao gồm Ngân hàng thương mại và dịch vụ tài chính, Ngân hàng đầu tư và dịch vụ NH Đầu tư và các hoạt động phi tài chính trong đó có giáo dục.

Eximbank hiện có 2 công ty liên kết là công ty CP chứng khoán Rồng Việt với tỷ lệ sở hữu 18.09% và công ty CP bất động sản Eximland với tỷ lệ sở hữu 11%.

- ❖ Công ty chứng khoán Rồng Việt có vốn điều lệ là 330 tỷ đồng hiện chiếm khoảng 2.1% thị phần môi giới tại Hose và 0.8% thị phần môi giới tại HaST. Công ty có hiệu quả hoạt động khá cao với sự hỗ trợ vốn và kinh nghiệm quản lý từ các cổ đông chiến lược lớn như Tổng công ty TM Sài Gòn – Satra, công ty quản lý quỹ Việt Long, công ty đầu tư tài chính Sài Gòn – Á Châu. 9 tháng đầu năm 2009, công ty đạt 79 tỷ doanh thu và 36 tỷ lợi nhuận sau thuế.
- ❖ Công ty bất động sản Eximland có vốn điều lệ 300 tỷ, chuyên phát triển tòa nhà, trụ sở, chi nhánh ở các tỉnh cho EIB song hành với việc tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án BĐS và xây dựng cơ sở hạ tầng. Danh mục đầu tư của Eximland sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ các khu chung cư cao cấp đến trung tâm thương mại, khách sạn 4 - 5 sao và cao ốc văn phòng. Trong thời gian vừa qua, Eximland cũng tham gia đấu thầu các dự án khu đô thị mới ngoại thành TPHCM và các vùng kinh tế trọng điểm.

Hiện tại Eximbank có 4 cổ đông chiến lược là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, nắm giữ 8.8%, ngân hàng Sumitomo Mitsui của Nhật, nắm 15.13%, quỹ VOF Investment Limited nắm giữ 5.04% và công ty cổ phần địa ốc ACB nắm giữ 5.61%. Hầu hết cổ đông của Eximbank là các nhà đầu tư có tổ chức, chiếm trên 67% và room cho các nhà đầu tư nước ngoài đã gần hết 29.8% / 30%, mức tối đa theo quy định của Nhà nước.

PHÂN TÍCH NGÀNH

Tăng trưởng huy động và dư nợ toàn ngành năm 2008 khá thấp, lần lượt đạt 15.3% và 20.6%.

Nhờ chính sách nới lỏng tiền tệ và các gói kích cầu, 11 tháng đầu năm kết quả hoạt động của các ngân hàng rất khả quan.

Để kiểm soát lạm phát, NHNN đã nâng lãi suất cơ bản từ 7% lên 8% và cho dừng gói hỗ trợ lãi suất 4% vào cuối năm 2009.

Đầu tháng 12/2009 bắt đầu xuất hiện hiện tượng thiếu thanh khoản tại một số NH.

Các NH khó huy động vốn dân cư nên phải huy động thông qua thị trường liên ngân hàng và bước vào cuộc đua chạy lãi suất thông qua các hình thức khuyến mãi.

Chênh lệch lãi suất đầu vào, đầu ra thu hẹp, lợi nhuận quý 4 của NH không có gì đột biến.

Năm 2008, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề từ cuộc suy thoái kinh tế. Tăng trưởng huy động và tăng trưởng dư nợ toàn ngành chỉ đạt 15.3% và 20.6%. Đây là mức tăng trưởng khá thấp so với các năm trước. Rất nhiều ngân hàng đã không hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Những tháng đầu năm 2009 nhờ chính sách kiểm soát vĩ mô và ổn định tiền tệ của Ngân hàng nhà nước bằng cách duy trì lãi suất cơ bản ở mức 7% trong 11 tháng đầu năm cùng với các gói kích cầu hỗ trợ lãi suất 4% đã giúp nền kinh tế vượt qua khỏi giai đoạn suy thoái và có nhiều khởi sắc. Tăng trưởng huy động và tín dụng trong 11 tháng đầu năm đã lần lượt đạt 28% và 36% so với cuối năm 2008. Kết quả hoạt động của các ngân hàng cũng rất khả quan trong những tháng đầu năm 2009.

Ngân hàng	Kế hoạch LNTT năm 2009	LN thực hiện 9M 2009	% thực hiện
Vietcombank	3,400	4,304	127%
Vietinbank	2,543	2,918	115%
Ngân hàng Á Châu	2,700	1,971	73%
Sacombank	1,600	1,535	96%
Eximbank	1,500	1,163	78%
NHTMCP SG-HN	405	336	83%
Techcombank	2,200	1,660	76%

Tuy nhiên để kiểm soát nguy cơ lạm phát trong những năm sau đồng thời tạo điều kiện để nền kinh tế VN có thể phát triển bền vững, cuối tháng 11 vừa qua, NHNN đã quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 7% lên 8% đồng thời sẽ cho ngừng gói hỗ trợ lãi suất 4% vào cuối năm nay thay vì cuối quý 1 năm 2010 như kế hoạch.

Từ đầu tháng 12, hiện tượng thiếu thanh khoản đã bắt đầu xuất hiện ở một số ngân hàng. Dù lãi suất cơ bản đã tăng thêm 1% nhưng các ngân hàng bị khống chế trần lãi suất huy động là 10.5% nên khả năng huy động vốn của các ngân hàng chậm lại trong khi nhu cầu đi vay và rút tiền của doanh nghiệp cũng như người dân lại tăng mạnh để phục vụ nhu cầu sản xuất và chi tiêu vào dịp Tết.

Việc huy động vốn từ thị trường trở nên khó khăn buộc các ngân hàng phải tìm đến thị trường liên ngân hàng, đẩy lãi suất qua đêm lên đến 12% - 16% và doanh số giao dịch gia tăng mạnh, doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng có khi chiếm đến 42% tổng doanh số giao dịch. Bên cạnh đó các ngân hàng còn thực hiện nhiều chương trình ưu đãi lãi suất, thưởng tiền mặt, tặng coupon, chương trình rút thăm trúng thưởng để thu hút tiền gửi, đẩy chi phí đầu vào tăng cao.

Một số ngân hàng còn tạm dừng cho vay, một số ngân hàng khác thì giới hạn lại đối tượng cho vay, chỉ giải ngân cho một số khách hàng quen thuộc. Lợi nhuận của các ngân hàng vào quý 4 không có gì đột biến nhưng hầu hết các ngân hàng có thể hoàn thành kế hoạch đề ra nhờ kết quả hoạt động kinh doanh khả quan vào 3 quý đầu năm.

ROA và ROE của ngành đạt 1.2% và 12.5%.

Năm 2009, huy động tăng 28.7%, dư nợ tăng mạnh lên 37.7%.

Mục tiêu năm 2010, tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán đạt 25%, tăng trưởng dư nợ đạt 25%.

Tập trung cho vay sản xuất, hạn chế cho vay phi sản xuất. Cuối năm 2010, VDL tối thiểu là 3,000 tỷ đồng.

Ngành NH là ngành trụ cột của nền kinh tế và còn nhiều tiềm năng phát triển.

Tính đến cuối tháng 10/2009, tài sản có của ngành đạt 2,794,073 tỷ đồng, tăng 26.5% so với cuối năm 2008, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ tăng lần lượt 31% và 25%. ROA và ROE của ngành đạt 1.2% và 12.54%.

Kết thúc năm 2009, tổng phương tiện thanh toán tăng 28.67%, huy động vốn tăng 28.7% và dư nợ tín dụng tăng 37.73%, vượt mức tăng trưởng tín dụng 30% kế hoạch đề ra đầu năm của NHNN.

Mục tiêu năm 2010, tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán đạt 25%, tăng trưởng dư nợ đạt 25%. Cụ thể:

- ❖ Khu vực thành phố HCM đặt mục tiêu tăng trưởng huy động từ 25% - 27%, tăng trưởng tín dụng từ 25% - 27%, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ.
- ❖ Khu vực Hà Nội đặt mục tiêu tăng trưởng huy động từ 28% - 30%, tăng trưởng tín dụng từ 25% - 27% và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2%.

Chủ trương của NHNN là tập trung cho vay sản xuất kinh doanh, hạn chế cho vay phi sản xuất bao gồm kinh doanh bất động sản và chứng khoán. Bên cạnh đó NHNN sẽ chỉ đạo các NHTM thực hiện gói hỗ trợ lãi suất trung và dài hạn 2%. Cũng trong năm nay, tất cả các ngân hàng TMCP phải có kế hoạch tăng vốn để đạt ít nhất 3,000 tỷ đồng vốn điều lệ vào cuối năm 2010 nhằm tăng cường năng lực tài chính khi hội nhập.

Khó khăn trong ngắn hạn nhưng ngành ngân hàng, xương sống của nền kinh tế đã đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân trên 30% trong giai đoạn 2002 – 2009 và dự báo sẽ còn phát triển mạnh trong tương lai do nền kinh tế VN còn nhiều tiềm năng tăng trưởng và xu hướng sử dụng các dịch vụ tiện ích của ngân hàng ngày càng cao.

PHÂN TÍCH CẠNH TRANH

1. Các lợi thế cạnh tranh:

Mức vốn điều lệ và thặng dư lớn là điều kiện thuận lợi để EIB nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Nhận được sự hỗ trợ từ các cổ đông chiến lược về quản trị, phát triển dịch vụ.

Tận dụng được mạng lưới thanh toán thẻ nội địa của VCB, mạng lưới lớn nhất hiện nay.

Thế mạnh là tài trợ XNK, kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế.

Là một trong những ngân hàng có mức vốn điều lệ lớn nhất đã tạo nên những lợi thế cạnh tranh mạnh mẽ cho Eximbank về năng lực tài chính, khả năng mở rộng hoạt động tín dụng và đầu tư theo các quy định hiện hành. Hơn nữa nguồn thặng dư vốn dồi dào sẽ giúp EIB thuận tiện trong việc mở rộng mạng lưới chi nhánh và hoạt động của mình.

EIB đã và đang nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ Sumitomo và các cổ đông chiến lược khác trên các lĩnh vực như phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, hợp tác về tài trợ thương mại, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài của EIB.

Là ngân hàng thương mại đầu tiên tại VN phát hành thẻ thanh toán quốc tế mang thương hiệu Visa Debit và kết nối thành công với hệ thống thanh toán thẻ nội địa của Vietcombank là mạng lưới thanh toán lớn nhất hiện nay đã giúp EIB có nhiều lợi thế trong việc triển khai các dịch vụ của mình.

Một trong những thế mạnh truyền thống của Eximbank là tài trợ xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế với hơn 758 ngân hàng đại

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề nên hạn chế được nhiều rủi ro tín dụng.

Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại với mạng Core-banking, công nghệ thanh toán nội hàng tiền tiên.

So với các NHTM tương đồng thì EIB có mạng lưới chi nhánh ít nhất.

Việc đóng cửa sàn vàng vào tháng 03/2010 sẽ làm giảm đi một phần thu nhập của EIB.

Tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ có xu hướng giảm nhưng đây vẫn là tỷ lệ khá cao so với các NHTM khác.

Lý tại 78 quốc gia trên thế giới nên được hưởng nhiều lợi ích từ chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước.

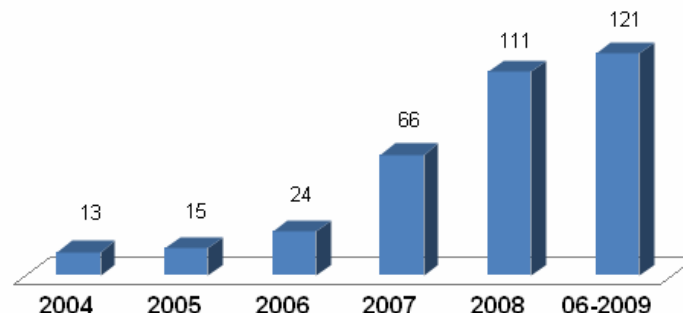
Việc đa dạng hóa trong cơ cấu danh mục cho vay theo ngành nghề, tập trung vào sản xuất kinh doanh, thương mại, tiêu dùng, giữ tỷ trọng cho vay trên bất động sản và chứng khoán tương đối thấp đã phần nào giúp cho EIB hạn chế được nhiều rủi ro tín dụng trong giai đoạn thị trường bất động sản đóng băng và thị trường chứng khoán chưa thật sự phục hồi.

Hệ thống công nghệ thông tin của Eximbank khá hiện đại với hệ thống Core - banking đồng bộ hóa giao dịch từ trung tâm đến những chi nhánh trên toàn quốc. Bên cạnh đó, Eximbank còn tham gia vào dự án “Hệ thống thanh toán và hiện đại hóa Ngân hàng Việt Nam” do World Bank tài trợ với trị giá lên đến 49 triệu USD và là 1 trong 6 NHTM đang khai thác sản phẩm công nghệ thanh toán nội hàng tiền tiên tại VN. Trở thành một trong những tổ chức tín dụng có công nghệ hiện đại trong hệ thống ngân hàng trong nước và trong khu vực là mục tiêu mà Eximbank đang hướng tới.

2. Các mặt hạn chế và các yếu tố rủi ro :

Đến thời điểm 30/06/2009 EIB chỉ có 121 điểm giao dịch và mạng lưới chi nhánh khắp cả nước. Nếu so sánh mạng lưới giao dịch với các ngân hàng khác như STB (247 chi nhánh), ACB (234 chi nhánh) thì EIB có mạng lưới chi nhánh ít nhất. Đây là sự bất lợi lớn cho EIB trong việc thu hút tiền gửi, cung cấp dịch vụ và quảng bá hình ảnh.

Mạng lưới hoạt động



Eximbank là 1 trong 3 ngân hàng có thế mạnh về đầu tư và kinh doanh vàng. Nhưng theo quy định mới thì tất cả các sàn vàng đều phải đóng cửa trước 31/03/2009. Việc chấm dứt hoạt động sàn vàng sẽ làm giảm đi một nguồn thu nhập đáng kể của EIB chưa kể đến những chi phí mà ngân hàng đã bỏ ra để đầu tư phát triển sàn vàng.

EIB là một trong những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ khá cao so với các NHTM khác dù vẫn đảm bảo mức yêu cầu về an toàn theo quy định. Năm 2008, do khủng hoảng toàn cầu, nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn dẫn đến quan hệ tín dụng với ngân hàng bị ảnh hưởng. Kết quả là tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ của EIB năm 2008 lên đến 4.71%. Sang năm 2009, EIB đã triển khai nhiều biện pháp để xử lý nợ khó đòi và tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng nên tỷ lệ nợ xấu giảm xuống còn 2.84% trong 6 tháng đầu năm 2009. Tuy nhiên đây vẫn là tỷ lệ khá cao so với các NHTM khác trong khu vực thành phố HCM là dưới 2%.

PHÂN TÍCH TĂNG TRƯỞNG

1. Tăng trưởng Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu:

Năm 2009, tổng tài sản của EIB đạt 66,029 tỷ đồng, tăng 36.8% so với cuối năm 2008.

Giai đoạn 2006 - 2009, EIB có tốc độ tăng tổng tài sản bình quân đạt 65%, trong đó năm 2007 là năm có tốc độ tăng cao nhất, đạt 84%. Kết thúc năm 2009, tổng tài sản của EIB đạt 66,029 tỷ đồng, tăng 36.8% so với cuối năm 2008.

9 tháng đầu năm 2009, so sánh với các ngân hàng hiện đang niêm yết thì tổng tài sản của EIB là thấp nhất, bằng 64% tổng tài sản của STB và chỉ bằng 37% tổng tài sản của ACB.

Tổng tài sản (tỷ.đ)	2008	9M09	Tăng trưởng
VCB	221,950	225,092	2%
CTG	193,590	226,569	17%
ACB	105,306	169,512	61%
STB	68,439	98,243	44%
EIB	48,905	62,866	31%

Eximbank là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ nhanh nhất.

Tuy nhiên, Eximbank là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ nhanh nhất, trung bình tăng 85% mỗi năm trong giai đoạn 2004 - 2009, từ mức 500 tỷ lên đến 8,800 tỷ.

Là NHTMCP có vốn chủ sở hữu lớn thứ 3 sau VCB và CTG.

Vốn chủ sở hữu của EIB cũng tăng trưởng mạnh qua các năm, cụ thể năm 2007 tăng 223%, sang năm 2008 tăng trưởng 112% nhờ vào đợt phát hành cho đối tác chiến lược Sumitomo thu được nguồn thặng dư 5,291 tỷ và trở thành NHTMCP có vốn chủ sở hữu lớn thứ 3 sau VCB và CTG.

VCSH (tỷ.đ)	2008	9M09	Tăng trưởng
VCB	13,790	15,798	15%
CTG	12,336	16,378	33%
ACB	7,766	9,853	27%
STB	7,759	9,345	21%
EIB	12,044	13,874	15%

2. Tăng trưởng huy động vốn, vốn tài trợ ủy thác đầu tư và phát hành giấy tờ có giá:

Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của EIB khá cao trong giai đoạn 2006 - 2009, dao động trong khoảng 40% đến 51%.

Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của EIB khá cao trong giai đoạn 2006 - 2009, dao động trong khoảng 40% đến 51%.

Năm 2008 là một năm đầy khó khăn cho ngành ngân hàng nhưng Eximbank đã có những bức phá đáng kể. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư của EIB đạt 32,393 tỷ đồng, tăng 34.3% so với cuối 2007. Trong đó vốn huy động bằng VND và USD lần lượt đạt 19,461 tỷ đồng và 434.7 triệu USD, tăng 19% và 83% so với 2007.

Tổng mức huy động từ dân cư của EIB đạt 51,134 tỷ đồng, tăng 5037% so với 2008.

Huy động từ dân cư chiếm 75.8%, từ phát hành giấy tờ có giá 16%.

Xét về tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi khách hàng thì EIB đứng thứ 3 sau ACB và STB.

2009, dư nợ của EIB đạt 38,382 tỷ đồng, tăng gần 81% so với năm 2008.

Tỷ lệ cho vay trên tổng huy động của EIB tương đối ổn định, dao động trong khoảng 62% đến 77%.

Theo báo cáo chưa kiểm toán, năm 2009, tổng mức huy động từ dân cư của EIB đạt 51,134 tỷ đồng, tăng 50.7% so với 2008. Trong đó huy động từ tiền gửi đạt 38,766 tỷ đồng, tăng 25.5% so với 2008. Huy động từ các tổ chức kinh tế đạt 2,527 tỷ đồng, tăng 66.6%. Huy động từ phát hành giấy tờ có giá tăng 466% đạt 8,223 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	Tỷ trọng
Vay CP và NHNN	433	28	26	1,611	3.15%
TG và vay các TCTD	2,128	1,214	1,516	2,527	4.94%
Tiền gửi khách hàng	13,141	22,906	30,877	38,766	75.81%
Vốn tài trợ UTĐT	40	25	13	6.3	0.01%
Phát hành giấy tờ có giá	326	8	1,453	8,223	16.08%
Tổng cộng	16,069	24,181	33,936	51,134	100%
Tăng trưởng		50.5%	40.3%	50.7%	

Cơ cấu nguồn vốn huy động của EIB có sự thay đổi trong giai đoạn 2006-2009. Huy động từ các tổ chức tín dụng giảm mạnh từ 13.2% năm 2006 xuống còn 4.9% năm 2009. Huy động từ dân cư tăng từ 81% năm 2006 lên gần 95% năm 2007 sau đó giảm xuống còn 75.8% năm 2009. Tỷ trọng huy động vốn từ phát hành giấy tờ có giá tăng đáng kể từ 2% năm 2006 lên 16.1% năm 2009.

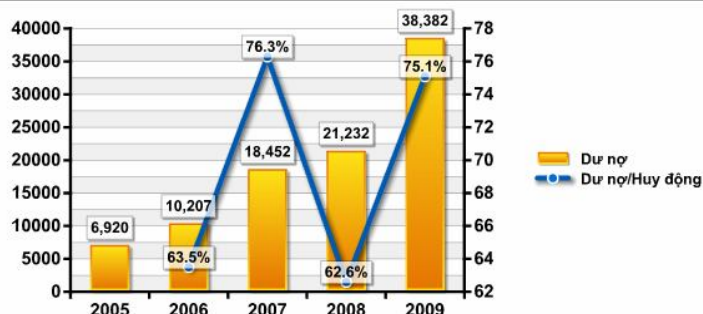
So sánh với 5 NHTM lớn khác là Agribank, VCB, CTG, ACB và STB thì đến cuối tháng 09 năm 2009 qui mô tổng huy động và tiền gửi khách hàng của EIB thấp nhất. Nhưng nếu xét về tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi khách hàng thì EIB đứng thứ 3 sau ACB và STB.

3. Tăng trưởng tín dụng và thu nhập:

Tốc độ tăng trưởng dư nợ của EIB khá cao, luôn cao hơn mức tăng trưởng dư nợ của toàn ngành. Chỉ có năm 2008 do nền kinh tế suy thoái nên tốc độ tăng trưởng dư nợ của EIB chỉ đạt 15%. Cuối năm 2009, dư nợ của EIB đạt 38,382 tỷ đồng, tăng gần 81% so với năm 2008 trong khi mức tăng trưởng dư nợ toàn ngành chỉ đạt 37.7%.

Tỷ lệ cho vay trên tổng huy động của EIB tương đối ổn định, dao động trong khoảng 62% đến 77%, thấp nhất là vào năm 2008 do chính sách thắt chặt tín dụng để kiềm chế lạm phát. Nhưng sang năm 2009, tỷ lệ này đã tăng trở lại lên mức 77%.

Tăng trưởng dư nợ và tỷ lệ dư nợ/huy động



Tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng dư nợ của EIB chiếm hơn 74% và 66% khách hàng của EIB là khách hàng doanh nghiệp, 34% khách hàng cá nhân.

Vay thương mại, dịch vụ cá nhân và công cộng, sản xuất và gia công chế biến, chiếm gần 40%.

Cho vay kinh doanh chứng khoán và bất động sản chiếm khoảng 1.09% và 1.8% tổng dư nợ.

Lợi nhuận sau thuế của EIB đạt 1,144.4 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2009 và EPS cả năm 2009 đạt 1,300 đồng.

Hoạt động đầu tư cũng là một trong những thế mạnh của EIB, chiếm 12% tổng tài sản vào cuối quý 3/2009.

Danh mục đầu tư của EIB chủ yếu là trái phiếu chiếm gần 90%. Kết thúc năm 2009, danh mục đầu tư của EIB đạt 9,499.8 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2008.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết liên doanh không có gì thay đổi.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối của EIB trong năm 2009 giảm mạnh, chỉ bằng 21.2% so với 2008.

Trong cơ cấu dư nợ của EIB, nếu phân theo kỳ hạn thì tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng dư nợ của EIB chiếm hơn 74%, điều này sẽ giúp đảm bảo tính thanh khoản cho EIB vì huy động vốn của EIB phần lớn là ngắn hạn. Nếu xét theo cơ cấu khách hàng thì 66% khách hàng của EIB là khách hàng doanh nghiệp, 34% khách hàng cá nhân do đặc thù của EIB là chuyên tài trợ thương mại cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nên tỷ trọng cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn.

Chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục cho vay phân theo ngành nghề là cho vay thương mại, dịch vụ cá nhân và công cộng, sản xuất và gia công chế biến, chiếm gần 40%. Những mảng này có tốc độ tăng trưởng cao vì có chính sách tín dụng linh hoạt, đơn giản, chất lượng dịch vụ tốt với lãi suất cạnh tranh.

Cho vay kinh doanh chứng khoán của EIB chiếm khoảng 1.09% tổng dư nợ, chủ yếu là phối hợp với các công ty chứng khoán cho vay cho vay ngày T. Cho vay kinh doanh bất động sản chỉ chiếm khoảng 1.8%. Tỷ trọng cho vay kinh doanh chứng khoán và bất động sản thấp giúp giảm thiểu rủi ro tín dụng cho EIB.

Năm 2009, thu nhập từ lãi của EIB đạt 4,344 tỷ đồng, tăng nhẹ 3.5% so với 2008. Tuy nhiên chi phí lãi lại giảm đáng kể, tỷ trọng chi phí lãi trên thu nhập từ lãi giảm từ 68.5% năm 2008 xuống còn 54.5% năm 2009 đã giúp lợi nhuận của EIB tăng 49.7%. Lợi nhuận trước thuế đạt 1,532.8 tỷ, bằng 102% so với kế hoạch đề ra. Sau khi trích lập các khoản dự phòng và đóng thuế, lợi nhuận còn lại của EIB đạt 1,144.4 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2008 và EPS cả năm 2009 đạt 1,300 đồng.

4. Hoạt động đầu tư:

Hoạt động đầu tư cũng là một trong những thế mạnh của EIB. Năm 2008, hoạt động đầu tư của EIB chiếm gần 17% tổng tài sản. Tuy nhiên tỷ trọng này có xu hướng giảm và đến cuối quý 3/2009 tỷ lệ này chỉ còn 12%. Một phần là do tốc độ tăng trưởng tài sản của EIB cao hơn tốc độ tăng trưởng các khoản đầu tư và EIB cũng cần trọng hơn trong hoạt động đầu tư để hạn chế bớt rủi ro khi thị trường chứng khoán chưa thật sự phục hồi vững chắc.

Danh mục đầu tư của EIB chủ yếu là trái phiếu chiếm gần 90%. Kết thúc năm 2009, danh mục đầu tư của EIB đạt 9,499.8 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2008. Trong đó có 98.8 tỷ đồng chứng khoán kinh doanh, 8,401 tỷ đồng chứng khoán đầu tư. Riêng khoản đầu tư hơn 230 tỷ đồng vào cổ phiếu của EIB hiện giá trị chỉ còn khoảng 150 tỷ (giảm gần 35%). Năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán mang về cho EIB 113.2 tỷ đồng, đây là một sự cải thiện đáng kể so với mức lỗ 171 tỷ năm 2008.

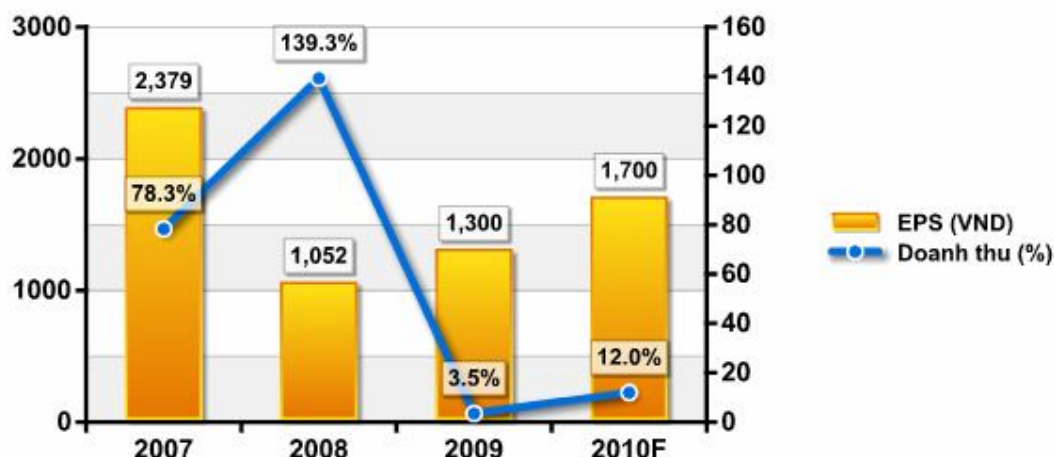
Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết liên doanh không có gì thay đổi nhiều, vẫn là 2 khoản đầu tư vào công ty chứng khoán Rồng Việt và công ty bất động sản Eximland.

Năm 2009 chứng kiến sự biến động mạnh mẽ của tỷ giá. Có lúc dư thừa, có lúc khan hiếm ngoại tệ đã làm cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ của EIB gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối của EIB trong năm 2009 giảm mạnh, chỉ bằng 21.2% so với 2008 dù đây là thế mạnh của EIB.

TRIỂN VỌNG KINH DOANH

Là ngân hàng có nguồn thặng dư lớn, có vốn chủ sở hữu lớn thứ 3 trong khối các NHTMCP ở Việt Nam sau VCB và CTG nhưng lợi nhuận năm 2009 của EIB thực tế không đáp lại kỳ vọng của các cổ đông do chưa tương xứng với quy mô tổng nguồn vốn và tổng tài sản. EIB cần thêm một thời gian nữa để có thể hấp thụ toàn bộ nguồn vốn của mình một cách hiệu quả. Tuy nhiên hoạt động của EIB trong những năm gần đây đã tiến triển rất nhiều. ROA tăng từ 1.74% năm 2008 lên 2% năm 2009 và ROE tăng từ 7.4% lên 8.5%. Ước tính EPS năm 2010 của EIB sẽ đạt 1,700 đồng. Với mức giá đóng cửa ngày 29/01/2010 là 23,000 đồng, EIB đang giao dịch với mức P/E 13.5. Mức giá này đã phản ánh toàn bộ giá trị của EIB nên dự báo sẽ không có sự đột phá về giá trong giai đoạn ngắn.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ EPS



PHÂN TÍCH TỶ LỆ

Phân tích tỷ lệ

	2006	2007	2008	2009(F)	2010(F)
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu		78%	139%	4%	12%
Huy động khách hàng		83.9%	43.1%	136.9%	35.2%
Dư nợ		75.4%	54.1%	158.1%	31.0%
LN sau thuế		79%	53%	61%	32%
Phân tích khả năng sinh lợi (%)					
Tỷ lệ lợi nhuận từ lãi/Thu nhập từ lãi		39.0%	31.4%	45.5%	46%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập từ lãi		26%	17%	26%	31%
Tỷ lệ lợi nhuận ST trên tổng tài sản		1.8%	1.7%	2.0%	2.3%
Tỷ lệ lợi nhuận ST trên vốn chủ sở hữu		11.2%	7.4%	8.5%	8.7%

KHUYẾN CÁO

Nội dung bản tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Miền Nam (MNSC) cung cấp chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy, nhưng MNSC không đảm bảo tuyệt đối độ chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào mua hay bán và nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Miền Nam (MNSC). Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của MNSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

LIÊN HỆ

Phòng Phân tích – Công ty cổ phần chứng khoán Miền Nam

Địa chỉ: Tòa nhà N'ORCH lầu 2, 170 – 172 -172E, Bùi Thị Xuân, Q.1, Tp.HCM

Tel: (848) 2556518 – Fax (848) 2556519

Email: ppt-mnsc@miennamstocks.com.vn

Website : www.mnsc.vn